

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**  
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0315672968**

*Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 05 năm 2019*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC HT SÀI GÒN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HT SAI GON PHARMACY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HT SAIGON PHARMA CO., LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 7, Đường số 2, Khu C Bông Sao, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 0918144339

Email:

Fax:

Website:

**3. Vốn điều lệ** 1.500.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ HUỖNH HIỆU | Ấp 2, Xã Minh Hưng, Huyện Chợ Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam                       | 750.000.000                                                                           | 50,000    | 285120174                                                                                                                           |         |
| 2   | HỒ BÁ TÙNG          | 45/88/14E Bình Tiên, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam              | 750.000.000                                                                           | 50,000    | 025423906                                                                                                                           |         |

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: TRẦN THỊ HUỲNH HIẾU

Giới tính: Nữ

Chức danh:

Sinh ngày: 28/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285120174

Ngày cấp: 15/03/2017

Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1491/12 Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

- ☐ Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân,...)  
Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc.)
- ☐ Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hoá học)  
Face masks (with the exception of chemical peeling products)
- ☐ Các chất phủ màu (lỏng, nhão, bột)  
Tinted bases (liquids, pastes, powders)
- ☐ Phần trang điểm, phần dùng sau khi tắm, bột vệ sinh, ....

- Make-up powders, after-bath powders, hygienic powders, etc.
- ☐ Xà phòng tắm, xà phòng khử mùi,.....  
Toilet soaps, deodorant soaps, etc
- ☐ Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,.....  
Perfumes, toilet waters and eau de Cologne
- ☐ Sản phẩm để tắm hoặc gội (muối, xà phòng, dầu, gel,....)  
Bath or shower preparations (salts, foams, oils, gels, etc.)
- ☐ Sản phẩm tẩy lông  
Depilatories
- ☐ Sản phẩm khử mùi và chống mùi.  
Deodorants and anti-perspirants
- ☒ Sản phẩm chăm sóc tóc  
Hair care products
- Nhuộm và tẩy tóc
  - Hair tints and bleaches
  - Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc
  - Products for waving, straightening and fixing,
  - Các sản phẩm định dạng tóc
  - Setting products,
  - Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)
  - Cleansing products (lotions, powders, shampoos),
  - Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu),
  - Conditioning products (lotions, creams, oils),
  - Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp)
  - Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)
- ☐ Sản phẩm dùng cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa,....)  
Shaving product (creams, foams, lotions, etc.)
- ☐ Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt  
Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes
- ☐ Sản phẩm dùng cho môi  
Products intended for application to the lips
- ☐ Sản phẩm để chăm sóc răng và miệng  
Products for care of the teeth and the mouth
- ☐ Sản phẩm dùng để chăm sóc và tô điểm cho móng tay, móng chân.  
Products for nail care and make-up
- ☐ Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài  
Products for external intimate hygiene
- ☐ Sản phẩm chống nắng  
Sunbathing products
- ☐ Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng.  
Products for tanning without sun.
- ☐ Sản phẩm làm trắng da  
Skin whitening products
- ☐ Sản phẩm chống nhăn da  
Anti-wrinkle products
- ☐ Sản phẩm khác (đề nghị ghi rõ)  
Others (please specify)

### 3. Mục đích sử dụng (Intended use)

Làm sạch tóc và sạch gàu

#### 4. Dạng trình bày (Product presentation(s))

- ☒ **Dạng đơn lẻ (Single product)**  
☐ Một nhóm các màu (A range of colours)  
☐ Bảng các màu trong một dạng sản phẩm (Palette(s) in a range of one product type)  
☐ Các sản phẩm phối hợp trong một bộ sản phẩm (Combination products in a single kit)  
☐ Các dạng khác (đề nghị ghi rõ). Others (please specify)

## THÔNG TIN VỀ NHÀ SẢN XUẤT/ ĐÓNG GÓI

(Đề nghị đính kèm danh sách riêng nếu như có nhiều hơn một công ty tham gia sản xuất/ đóng gói để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh)

**PARTICULARS OF MANUFACTURER(S)/ASSEMBLER(S)**

(Please attach in a separate sheet if there are more than one manufacturer/assembler)

**5. Tên nhà sản xuất (Name of manufacturer):**

[illegible]

Địa chỉ nhà sản xuất (Nước sản xuất) (Address of manufacturer (state country)):

|         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|
| L       | ô | A | 2 | 2 | - | A | 2 | 2 | 3 | Đ | ư | ờ | n | g | s | ố | 3 | K | C | N |   |  |
| T       | h | á | i |   | H | ò | a |   | Á | p | T | â | n | H | ò | a | X | ã | Đ | ú | c |  |
| L       | ậ | p |   | H | ạ |   | H | u | y | ê | n | Đ | ú | c | H | ò | a |   |   |   |   |  |
|         |   | T | ỉ | n | h |   | L | o | n | g |   | A | n |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Country |   |   |   |   |   |   | V |   |   | I | Ê | T | N |   |   | A | M |   |   |   |   |  |

Tel: 84 - 72 - 3759952 Fax: 84 - 72 - 3759951

**6. Tên công ty đóng gói (đề nghị đánh dấu vào mục thích hợp. Có thể đánh dấu nhiều hơn 1 ô**  
(Name of assembler (Please tick accordingly. May tick more than one box)):

- ☒ Đóng gói chính      ☐ Đóng gói thứ cấp  
Primary assembler      Secondary assembler

[illegible]

Địa chỉ của công ty đóng gói (Address of assembler (state country)):

|         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|
| L       | ô | A | 2 | 2 | 2 | - | A | 2 | 2 | 3 |   | Đ | ư | ờ | n | g |   | s | ố |   | 3 |   | K | C | N |   |  |
| T       | h | á | i |   |   | H | ò | a |   | Á | p |   | T | â | n |   | H | ò | a |   | X | ã |   | Đ | ứ | c |  |
| L       | â | p |   |   |   | H | à |   |   | H | u | y | ê | n |   | Đ | ứ | c |   | H | ò | a |   |   |   |   |  |
|         |   |   | T | ỉ | n | h |   |   |   | L | o | n | g |   | A | n |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Country |   |   |   |   |   |   |   | V |   |   |   | I | Ê | T | N |   |   |   | A | M |   |   |   |   |   |   |  |

Tel: 84 - 72 - 3759952 Fax: 84 - 72 - 3759951

**THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM  
ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG  
PARTICULARS OF LOCAL COMPANY RESPONSIBLE  
FOR PLACING THE COSMETIC PRODUCT IN THE MARKET**

**7. Tên công ty (Name of company):**

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|
| C | O | N | G | T | Y | T | N | H | H | V | A | T | T | U | Y | T | E |  |  |
| D | U | O | C | H | O | A | N | G | T | U | A | N |   |   |   |   |   |  |  |

**Địa chỉ công ty (Address of company):**

|         |   |   |   |   |   |  |         |   |   |   |  |   |   |       |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
|---------|---|---|---|---|---|--|---------|---|---|---|--|---|---|-------|---|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 1       | 3 | 5 |   | T | ổ |  | 6       |   | Á | p |  | P | h | ư     | ớ | c |  | T | h | u | â | n |   | X | ã |   |  |  |  |
| P       | h | ư | ớ | c |   |  | L       | â | m |   |  | H | u | y     | ệ | n |  | C | ầ | n |   | G | i | u | ộ | c |  |  |  |
| T       | ĩ | n | h |   |   |  | L       | o | n | g |  | A | n |       |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Country |   |   |   |   |   |  | V I Ê T |   |   |   |  |   |   | N A M |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |

[illegible]

**Số giấy phép kinh doanh/Số giấy phép hoạt động**  
Business Registration Number/License to Operate Number

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|--|
| 1 | 0 | 1 | 9 | 0 | 8 | 4 | 9 | 5 |  |  |  |  |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|--|

**THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**PARTICULARS OF PERSON REPRESENTING THE LOCAL COMPANY**

8. **Họ và tên (Name of person):**

[illegible]

Tel: 0904305329 Email: trantrang7893@gmail.com

Chức vụ ở công ty (Designation in the company) :

[illegible]

**THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NHẬP KHẨU**  
**PARTICULARS OF IMPORTER**

**9. Tên công ty nhập khẩu (Name of importer):**

[illegible]**Địa chỉ công ty nhập khẩu (Address of importer):**[illegible][illegible]

**DANH SÁCH THÀNH PHẦN**  
**PRODUCT INGREDIENT LIST**

**10. Đề nghị kiểm tra ô sau đây (Please check the following boxes)**

- ☒ Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ phụ lục II đến phụ lục VII của danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện qui định trong các phụ lục.

I have examined the latest revisions of the Annexes II to VII of the ASEAN Cosmetic Ingredient Listing as published in the latest amendment of the ASEAN Cosmetic Directive and confirmed that the product in this notification does not contain any prohibited substances and is in compliance with the restrictions and conditions stipulated in the Annexes.

- ☒ Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền.

I undertake to respond to and cooperate fully with the regulatory authority with regard to any subsequent post-marketing activity initiated by the authority.

**Danh sách thành phần đầy đủ (product full ingredient list)**

(Yêu cầu ghi đầy đủ danh sách tất cả các thành phần và tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng sử dụng trong mỹ phẩm – To submit ingredient list with percentages of restricted ingredients)

| No | Tên đầy đủ thành phần (tên danh pháp quốc tế hoặc sử dụng tên khoa học chuẩn đã được công nhận)<br>Full Ingredient name (use INCI or approved nomenclature in standard references) | Tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1  | Water                                                                                                                                                                              |                                                          |
| 2  | Sodium Laureth Sulfate                                                                                                                                                             |                                                          |
| 3  | Cocamidopropyl Betaine                                                                                                                                                             |                                                          |
| 4  | Acrylates Copolymer                                                                                                                                                                |                                                          |
| 5  | Dimethiconol                                                                                                                                                                       |                                                          |
| 6  | Hydroxyethyl Urea                                                                                                                                                                  |                                                          |
| 7  | Amodimethicone                                                                                                                                                                     |                                                          |
| 8  | Piroctone Olamine                                                                                                                                                                  |                                                          |
| 9  | Fragrance                                                                                                                                                                          |                                                          |
| 10 | Cocamide MEA                                                                                                                                                                       |                                                          |
| 11 | Glycol Distearate                                                                                                                                                                  |                                                          |
| 12 | Menthol                                                                                                                                                                            |                                                          |
| 13 | Phenoxyethanol                                                                                                                                                                     | 0,50%                                                    |

|    |                                      |        |
|----|--------------------------------------|--------|
| 14 | Climbazole                           | 0,50%  |
| 15 | PEG-75 Lanolin                       |        |
| 16 | Decyl Glucoside                      |        |
| 17 | DMDM Hydantoin                       | 0,30%  |
| 18 | Sodium Salicylate                    | 0,30%  |
| 19 | Sodium Lauroyl Lactylate             |        |
| 20 | Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride |        |
| 21 | TEA-Dodecylbenzenesulfonate          |        |
| 22 | Panthenol                            |        |
| 23 | Trideceth-12                         |        |
| 24 | Citric acid                          |        |
| 25 | Disodium EDTA                        |        |
| 26 | Sodium Hydroxide                     | 0,03%  |
| 27 | Cetrimonium Chloride                 | 0,015% |
| 28 | Sodium Chloride                      |        |
| 29 | CI 19140                             |        |
| 30 | CI 17200                             |        |

**CAM KẾT  
(DECLARATION)**

1. Thay mặt cho công ty, tôi xin cam kết sản phẩm được đề cập trong Phiếu công bố này đạt được tất cả các yêu cầu của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN và các phụ lục của nó.

I hereby declare on behalf of my company that the product in the notification meets all the requirements of the ASEAN Cosmetic Directive, its Annexes and Appendices.

2. Tôi xin chịu trách nhiệm tuân thủ các điều khoản sau đây (I undertake to abide by the following conditions):

- i. Đảm bảo có sẵn để cung cấp các thông tin kỹ thuật và tính an toàn khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ về các sản phẩm đã được phân phối để báo cáo trong trường hợp sản phẩm phải thu hồi.

Ensure that the product's technical and safety information is made readily available to the regulatory authority concerned ("the Authority") and to keep records of the distribution of the products for product recall purposes;

- ii. Phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các tác dụng phụ nghiêm trọng<sup>1</sup> gây chết người hoặc đe dọa tính mạng của sản phẩm bằng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc văn bản trước 7 ngày kể từ ngày biết thông tin.

Notify the Authority of fatal or life threatening serious adverse event<sup>1</sup> as soon as possible by telephone, facsimile transmission, email or in writing, and in any case, no later than 7 calendar days after first knowledge;

- iii. Phải hoàn thành báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm<sup>2</sup> (theo mẫu quy định) trong vòng 8 ngày làm việc kể từ ngày thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về những tác dụng phụ nghiêm trọng như đã nêu trong mục 2ii nói trên và cung cấp bất cứ thông tin nào theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Complete the Adverse Cosmetic Event Report Form<sup>2</sup> within 8 calendar days from the date of my notification to the Authority in para 2ii. above, and to provide any other information as may be requested by the Authority;

- iv. Thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các phản ứng phụ nghiêm trọng nhưng không gây chết người hoặc đe dọa đến tính mạng của sản phẩm và trong bất cứ trường hợp nào, việc báo cáo (sử dụng mẫu báo cáo) về tác dụng phụ phải được tiến hành trước 15 ngày kể từ ngày biết về tác dụng phụ này.

Report to the Authority of all other serious adverse events that are not fatal or life threatening as soon as possible, and in any case, no later than 15 calendar days after first knowledge, using the Adverse Cosmetic Event Report Form;

- v. Công bố với cơ quan có thẩm quyền khi có bất cứ sự thay đổi nào trong bản công bố này.

Notify the Authority of any change in the particulars submitted in this notification;

3. Tôi xin cam đoan rằng những thông tin được đưa ra trong bản công bố này là đúng sự thật. Tất cả các tài liệu, các thông tin liên quan đến nội dung công bố sẽ được cung cấp và các tài liệu đính kèm là bản hợp pháp hoặc sao y bản chính.

I declare that the particulars given in this notification are true, all data, and information of relevance in relation to the notification have been supplied and that the documents enclosed are authentic or true copies.

4. Tôi hiểu rằng tôi sẽ có trách nhiệm để đảm bảo tất cả các lô sản phẩm của chúng tôi đều đáp ứng các yêu cầu pháp luật, và tuân thủ tất cả tiêu chuẩn và chỉ tiêu sản phẩm đã được công bố với cơ quan có thẩm quyền.

I understand that I shall be responsible for ensuring that each consignment of my product continues to meet all the legal requirements, and conforms to all the standards and specifications of the product that I have declared to the Authority.

5. Tôi hiểu rằng trong trường hợp có tranh chấp pháp luật, tôi không được quyền sử dụng bản công bố sản phẩm mỹ phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận nếu sản phẩm của chúng tôi không đạt được các yêu cầu về tiêu chuẩn, chỉ tiêu mà chúng tôi đã công bố.

I understand that I cannot place reliance on the acceptance of my product notification by the authority in any legal proceedings concerning my product, in the event that my product has failed to conform to any of the standards or specifications that I had previously declared to the Authority.



**Trần Thị Thùy Trang**

Tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty  
[Name and Signature of person representing the local company]



Dấu của công ty  
[Company stamp]

12/03/2019

Ngày  
[Date]

<sup>(1)</sup> Như đã được định nghĩa rõ ràng trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm.  
As defined in the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products

<sup>(2)</sup> Trình bày trong phụ lục I trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm  
Set out in Appendix I to the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products

UBND TỈNH LONG AN  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2019/XNQC-YTLA

Long An, ngày 16 tháng 5 năm 2019

### GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO MỸ PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật tư Y tế Dược Hoàng Tuấn.

Địa chỉ: 135, Tổ 6, Ấp Phước Thuận, Xã Phước Lâm, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

Điện thoại: 0987205249

Fax:

| STT                            | Tên sản phẩm mỹ phẩm        | Số Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|
| 1                              | HAIRNEW - DẦU GỘI CHỐNG GÀU | 197/19/CBMP-LA                    |
| Tổng cộng: 01 sản phẩm mỹ phẩm |                             |                                   |

Phương tiện quảng cáo:

- Báo điện tử: Dân trí, VnExpress, Phụ nữ, Tuổi trẻ, Tiếp thị gia đình; Facebook, Zalo.

- Báo giấy: Phụ nữ, Tuổi trẻ.

Nội dung quảng cáo: Theo nội dung đã được duyệt (đính kèm).

Công ty trách nhiệm hữu hạn Vật tư Y tế Dược Hoàng Tuấn có trách nhiệm quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận. *ML*

**Cơ quan xác nhận**  
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Huỳnh Minh Phúc**



DẦU GỘI CHỐNG GÀU

# HAIRNEW®

Sạch gàu và hết ngứa da đầu

NEW



## SẢN PHẨM CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TRÊN TOÀN QUỐC

**THÀNH PHẦN:** Water, Sodium Laureth Sulfate, Cocamidopropyl Betaine, Arylates Copolymer, Dimethiconol, Hydroxyethyl Urea, Amodimethicone, Piroctone Olamine, Fragrance, Cocamide Mea, Glycol Distearate, Menthol, Phenoxylethanol, Climbazole, PEG-75 Lanolin, Decyl Glucoside, DMDM Hydantoin, Sodium Salicylate, Sodium Lauroyl Lactylate, Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride, Tea-dodecylbenzenesulfonate, Panthenol, Trideceth-12, Citric Acid, Disodium Edta, Sodium Hydroxide, Cetrimonium Chloride, sodium Chloride, CI 19140, CI 17200.

**CÔNG DỤNG:** LÀM SẠCH TÓC VÀ SẠCH GÀU.

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:** Thoa đều dầu gội lên tóc và da đầu ướt, để 2-3 phút cho kết quả tốt nhất. Xả sạch lại với nước. Để chống gàu hiệu quả, dùng đều đặn hàng ngày cho đến khi gàu hết hẳn. Sau đó nên dùng mỗi tuần 3 lần để ngăn ngừa gàu quay trở lại. Có thể dùng cho cả tóc nhuộm và uốn.

**CHÚ Ý:** Tránh tiếp xúc với mắt. Nếu dầu gội dính vào mắt, rửa kỹ bằng nước sạch. Tránh xa tầm tay trẻ em.

Số CB: 197/19/CBMP-LA

**BẢO QUẢN:** Nơi mát dưới 30°C, tránh ánh nắng trực tiếp.

Số giấy xác nhận nội dung quảng cáo của Sở Y tế Tỉnh Long An: .....ngày.....



Phân phối  
CÔNG TY TNHH VẬT TƯ Y TẾ DƯỢC HOÀNG TUẤN  
136 Tô B, Ấp Phước Thuận, Xã Phước Lâm, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An

Nhà sản xuất:  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VIỆT  
Lô A222 - A223, Đường số 3, K



Trần Thị Thùy Trang